TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **215**/2023/DS -PT

Ngày: 18-8-2023

V/v: "*Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Võ Ngọc Thông**;

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tào**;

ông **Phạm Ngọc Thái**.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yênbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2657/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1955. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc B, sinh năm 1951. (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2023). Có mặt.

Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: cụ Đinh Thị N, sinh 1927(Chết).

Địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường B, TP ., tỉnh Phú Yên.

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh 1950. Có mặt.

Địa chỉ: 0 C, phường A, TP ., tỉnh Phú Yên.

2. Bà Nguyễn Thị Hoài P1, sinh 1955. Vắng mặt.

Địa chỉ: B T, phường D, TP ., tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thùy T (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2022). Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh 1960. Có mặt.

Địa chỉ: H N, phường G, TP ., tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Trọng T1, sinh 1993.

Địa chỉ: thôn T, xã X, huyện Đ, Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Ngô Thị C, sinh 1962; Địa chỉ: khu phố N, thị trấn C, huyện T, Phú Yên (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022). Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện T. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung ngày 29/8/2022, ngày 16/02/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P *trình bày:* Cha mẹ bà cụ Nguyễn Huy P2, chết năm 2002, cụ Đinh Thị N chết năm 2023, có 4 con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Hoài P1, Nguyễn Thị Thùy T. Tài sản cha mẹ tạo lập gồm nhà đất tại khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên thuộc các thửa 354, tờ bản đồ 02, diện tích 101,6m^2, đất ở đô thị được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744310, số vào sổ CH01913 ngày 08/10/2015 cho cụ Đinh Thị N và thửa 355, tờ bản đồ 02, diện tích 78,8m^2, đất ở đô thị được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744308, số vào sổ CH01912 ngày 08/10/2015 cho cụ Đinh Thị N.

Đối với nhà gắn liền diện tích đất 101,6m^2, ngày 23/10/2015 cụ Đinh Thị N lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L và bà L đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744435 ngày 02/11/2015. Bà thừa nhận chữ ký trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ N và bà L lập tại văn Phòng công chứng là của bà nhưng thời điểm đó bà không biết ký nội dung gì. Nay bà yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/10/2015 giữa cụ N và bà L, hủy Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất do UBND huyện T đã cấp cho cụ N; bà L yêu cầu chia di sản thừa kế cha mẹ chết để lại theo pháp luật.

Đối với nhà gắn liền diện tích đất 78,8m^2, ngày 06/11/2020cụ Nho lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Trọng T1 với giá 400.000.000đ bà có yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ N và ông T1, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T đã cấp cho cụ N và yêu cầu chia di sản thừa kế cha mẹ chết để lại theo pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà P xin rút yêu cầu không tranh chấp nhà đất diện tích 78,8m^2 vì đã tự thỏa thuận được với bị đơn.

- *Bị đơn cụ* Đinh Thị N *và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà* Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Hoài P1, Nguyễn Thị Thùy T *trình bày:* thống nhất ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Kim P về cha mẹ, con, tài sản cha mẹ tạo lập. Đối với đất thuộc thửa 354, tờ bản đồ 02, diện tích 101,6m^2 khi cha mẹ còn sống vào năm 2000 đã họp chị em trong gia đình thống nhất cho bà Nguyễn Thị L thửa đất này với điều kiện bà L phải phụng dưỡng ông bà, xây mồ mả ông bà, lo hậu sự cha mẹ, thờ cúng ông bà tổ tiên. Sau đó năm 2001 bà Nguyễn Thị L đã cất nhà trên đất để ở từ đó cho đến nay. Ngày 08/10/2015 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744310, số vào sổ CH01913 cho cụ Đinh Thị N và ngày 23/10/2015 cụ N lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất này cho bà Nguyễn Thị L có bà Nguyễn Thị Kim P ký tên xác nhận và bà L đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744435 ngày 02/11/2015; do đó bị đơn cụ N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P.

Đối với nhà gắn liền diện tích đất 78,8m^2 thuộc thửa 355, tờ bản đồ 02 ngày 08/10/2015 UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744308, số vào sổ CH01912 cho cụ Đinh Thị N. Ngày 06/11/2020 cụ N chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông Trần Trọng T1 với giá 400.000.000đ, nay nguyên đơn bà P rút yêu cầu tranh chấp nhà đất này nên không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ *Ông* Nguyễn Trọng T2 *do bà* Ngô Thị C *làm đại diện trình bày:* Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ N và ông Nguyễn Trọng T2, vì hợp đồng đã thực hiện xong, ông T2 đã giao đủ 400.000.000đ cho cụ N và đã nhận nhà đất, sữa chữa sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay.

+ *Văn phòng công chứng* Nguyễn T3 *trình bày:* tại thời điểm công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Đinh Thị N và ông Nguyễn Trọng T2, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ N và bà Nguyễn Thị L, Văn phòng công chứng không nhận bất kỳ văn bản nào tranh chấp các thửa đất trên và cơ quan Thi hành án cũng không có văn bản ngăn chặn. Cụ N được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của cụ V tranh chấp di sản thừa kế của nguyên đơn là người chứng kiến

việc tặng cho tài sản theo hợp đồng đã công chứng là không có căn cứ pháp luật; do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ UBND huyện T *trình bày:* về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/01/2006, cụ Đinh Thị N làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 246, tờ bản đồ số 01, diện tích 160m^2, loại đất ở nguồn gốc đất do cha mẹ để lại sử dụng trước năm 1975, UBND thị trấn ký xác nhận ngày16/01/2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký xác nhận ngày 21/4/2006, Phòng Tài nguyên và M trường ký xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/4/2006 (kèm theo giấy xác nhận quyền sử dụng đất ngày 21/9/2001), được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 137000, thửa đất số 246, tờ bản đồ số 01, diện tích 160m^2, loại đất ở đô thị (ODT) cấp ngày 04/5/2006. Ngày 15/ 9/ 2015, cụ Đinh Thị N làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấychứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 137000, thửa đất số 246, tờ bản đồ số 01, diện tích 160m^2, loại đất ở tại đô thị (ODT) thành 02 thửa: thửa đất 355, tờ bản đồ số 02, diện tích 78,8m^2, loại đất ở đô thị (ODT) được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744308 ngày 08/10/2015 và thửa đất 354, tờ bản số 02, diện tích 101,6m^2 trong đó diện tích đất loại đất ở tại đô thị (ODT) 81,2m^2 + diện tích đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 20,4m^2.

Ngày 23/10/2015 cụ Đinh Thị N lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L (con ruột) thửa đất 354, tờ bản số 02, diện tích 101,6m^2, có chứng kiến của bà Nguyễn Thị Kim P, ngày 02/11/2015 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744435 cho bà Nguyễn Thị L.

Vì vậy, việc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận cho cụ Đinh Thị N, bà Nguyễn Thị L là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yênquyết định:

Căn cứ Điều 3, các điều 401, 405, 457, 459, 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 99, 100, 203, 167, 168, 169, 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà gắn liền diện tích đất 101,6m^2 thuộc thửa 354, tờ bản đồ số 2 tại khu phố N, thị trấn C, huyện T và yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/10/2015 giữa cụ Đinh Thị N và bà Nguyễn Thị L; yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744310, số vào sổ CH 01913 do UBND huyện T cấp ngày 08/10/2015 cho cụ Đinh Thị N, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744435 do UBND huyện T cấp ngày 02/11/2015 cho bà Nguyễn Thị L.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nhà đất diện tích 78,8m^2, thuộc thửa 355, tờ bản đồ số 2 tại khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/12/2020 của TAND huyện T.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 28/2020/QĐ-PKCTT ngày 29/12/2020 của TAND huyện T. TAND huyện T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền gởi tài sản bảo đảm 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* đã nộp tại tài khoản thẻ số 4602215032521 đứng tên ông Nguyễn Văn T4 tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-4-2023 bà Nguyễn Thị Kim P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

- *Ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông* Trần Quốc B *trình bày:*

Về tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: ông Trần Trọng T1 và UBND huyện T vì không có liên quan đến vụ án.

Về nội dung: như Đơn khởi kiện và các vă bản trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim P, bà P khi ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/10/2015 giữa cụ Đinh Thị N và bà Nguyễn Thị L không biết ký nội dung gì. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của bà P.

- *Ý kiến của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ* Đinh Thị N*, gồm các bà* Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thùy T*:*

Thống nhất như ý kiến của ông trần Quốc B1, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: ông Trần Trọng T1 và UBND huyện T vì không có liên quan đến vụ án. Bản án của Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử là đúng sự thật của vụ án và pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của bà P.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; trên cơ sở đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là người kháng cáo và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đinh Thị N đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan; mặc dù đây là phiên toà phúc thẩm được Toà án triệu tập hợp lệ lần đầu, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về nội dung: bà Nguyễn Thị Kim P kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[1] Về tố tụng:

Về sự có mặt của các đương sự: tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, mặc dù đây là phiên toà phúc thẩm dân sự được Toà án triệu tập hợp lệ lần đầu vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: ông Trần Trọng T1 và UBND huyện T. Tuy nhiên, cả đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là người kháng cáo và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đinh Thị N đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên vì không có liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử xét xử xét thấy, việc xét xử vắng mặt những người nêu trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về thẩm quyền: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện bị đơn cụ Đinh Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị L. Căn cứ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo thủ tục sơ thẩm.

Về hàng và diện thừa kế: các đương sự đều thống nhất như bản án sơ thẩm đã xác định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về di sản thừa kế: vợ chồng cụ Nguyễn Huy P2 và cụ Đinh Thị N quá trình chung sống tạo lập được hai thửa đất đều tọa lạc tại khu phố N, thị trấn C, huyện T, gồm: thửa 354 theo bản đồ hồ sơ địa chính năm 1994 là thửa đất 246, tờ bản đồ 1 diện tích 160m^2, loại đất ở và theo bản đồ năm 1997 mang thửa 616, tờ bản đồ 1, diện tích 92m^2 loại đất ở. Thửa 355 theo bản đồ hồ sơ địa chính năm 1994 là thửa đất 248, tờ bản đồ 1 diện tích 130m^2, loại đất ở và theo bản đồ năm 1997 mang thửa 374, tờ bản đồ 1, diện tích 113m^2 loại đất ở.

Ngày 16/01/2006, cụ Đinh Thị N làm Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đến ngày 04/5/2006 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 137000 ngày 04/5/2006, thửa đất số 246, tờ bản đồ số 01, diện tích 160m^2, loại đất ở.

Ngày 15/9/2015, cụ Đinh Thị N làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thành 02 thửa: thửa đất 355, tờ bản đồ số 02, diện tích 78,8m^2, loại đất ở được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744308 ngày 08/10/2015 và thửa đất 354, tờ bản số 02, diện tích 101,6m^2 (đất ở 81,2m^2, đất trồng cây hàng năm 20,4m^2) được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744310 ngày 08/10/2015.

[3] Toà án cấp sơ thẩm nhận định: năm 2002 sau khi cụ P2 chết, diện tích đất tại 02 thửa đất nêu trên có ½ là di sản của cụ P2 để lại cho các đồng thừa kế, UBND huyện T cấp và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ N đứng tên là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 98 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T5 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ảnh hưởng quyền và lợi ích của các đồng thừa kế, trong đó có nguyên đơn. Tuy nhiên, sau khi cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ N, các đồng thừa kế không ai có ý kiến gì, mặc nhiên thừa nhận là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P Hội đồng xét xử thấy rằng: đối với diện tích đất 101,6m^2, tại thửa số 354, tờ bản đồ số 2 có giá trị 812.816.000đ, cụ P2, cụ N đã cho bà Nguyễn Thị L sử dụng từ năm 2000, đến ngày 23/10/2015 cụ N lập hợp đồng tặng cho bà L, hợp đồng được công chứng đúng theo quy định pháp luật. Sau khi được tặng cho, bà L được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744435, số vào sổ CH01956 ngày 02/11/2015. Tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho, bà P là người trực tiếp cùng cụ N đến Văn phòng công chứng để tiến hành thủ tục công chứng hợp đồng và ký ghi họ tên bà Nguyễn Thị Kim P dưới mục người chứng kiến. Bà P cũng đã thừa nhận chữ ký trong hợp đồng tặng cho là của bà nhưng bà cho rằng lúc ký tại Văn phòng công chứng bà không biết ký nội dung gì; vì vậy, việc tặng cho diện tích đất nêu trên ảnh hưởng đến quyền thừa kế của bà là không có cơ sở. Việc cụ N lập Hợp đồng tặng cho tài sản nêu trên có phần di sản của cụ P2 nhưng các đồng thừa kế khác gồm bà P1, bà T đều thống nhất việc tặng cho, không tranh chấp; bà P là một trong các thừa kế biết và không có ý kiến gì khi các bên làm thủ tục ký kết hợp đồng. Như vậy, Hợp đồng tặng cho lập ngày 23/10/2005 giữa cụ N và bà L đúng quy định pháp luật, có giá trị pháp lý thực hiện.

Đối với nhà gắn liền với diện tích đất 101,6m^2 có giá trị 107.995.600đồng do bà L xây dựng trên đất từ năm 2001, bà P cho rằng bà L xây nhà nhưng không ở nên cha mẹ là cụ P2, cụ N đã thối trả toàn bộ giá trị xây dựng cho bà L nên là tài sản của cha mẹ để lại; vì vậy yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh; trong khi đó bà L không thừa nhận. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P về việc chia di sản thừa kế nhà gắn liền diện tích đất 101,6m^2 theo pháp luật và yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền quyền sử dụng đất giữa cụ Đinh

Thị N và bà Nguyễn Thị L; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ N và bà L đối với diện tích đất 101,6m^2 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Kim P kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi nội dung quyết định của bản án dân sự sơ thẩm nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P; ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do đó, bác yêu cầu kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim P là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 3, các điều 401, 405, 457, 459, 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 99, 100, 203, 167, 168, 169, 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà gắn liền diện tích đất 101,6m^2 thuộc thửa 354, tờ bản đồ số 2 tại khu phố N, thị trấn C, huyện T và yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/10/2015 giữa cụ Đinh Thị N với bà Nguyễn Thị L; yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744310, số vào sổ CH 01913 do UBND huyện T cấp ngày 08/10/2015 cho cụ Đinh Thị N, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 744435 do UBND huyện T cấp ngày 02/11/2015 cho bà Nguyễn Thị L.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nhà đất diện tích 78,8m^2, thuộc thửa 355, tờ bản đồ số 2 tại khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/12/2020 của TAND huyện T.

5. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 28/2020/QĐ-PKCTT ngày 29/12/2020 của TAND huyện T. TAND huyện T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền gởi tài sản bảo đảm 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* đã nộp tại tài khoản thẻ số 4602215032521 đứng tên ông Nguyễn Văn T4 tại Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 8.350.000đ(*Tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* bà P đã nộp số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) nên TAND huyện T có trách nhiệm giao trả lại cho bà P số tiền 3.650.000đ *(Ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).*

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông